TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2018/HN-ST
Ngày: 30 - 10 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm

Bà Nguyễn Thị Yến Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 808/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

Cư trú tại: số nhà H, ấp P1, xã P2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú tại: số nhà B, ấp T1, xã T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Ông Đ và bà Lê Thị Ánh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 08/02/2010, tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau. Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/01/2010, hiện đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/10/2016, hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng cháu L. Ông Đ đồng ý giao bà T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, tự nguyện cấp dưỡng cháu H mức cấp dưỡng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản hòa giải ngày 04/10/2018, bà Lê Thị Ánh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân như ông Đ trình bày là đúng. Vợ chồng sống ly thân đã 02 năm. Tuy nhiên, bà T mong muốn duy trì quan hệ gia đình, không đồng ý ly hôn ông Đ.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/01/2010, hiện do ông Đ nuôi dưỡng; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/10/2016, hiện do bà T nuôi dưỡng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà T đồng ý giao ông Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L. Bà T không cấp dưỡng cháu L. Bà T đồng ý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, đồng ý sự tự nguyện của ông Đ cấp dưỡng cháu H mức cấp dưỡng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đ là người có quyền khởi kiện bà T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà T vắng mặt dù đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Đ, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do cuộc sống chung xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà T, yêu cầu ly hôn bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của ông Đ, bà T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hôn nhân của ông Đ, bà T đã không còn sự tự nguyện của ông Đ. Bà T không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh trình bày của mình. Trải qua 02 năm

sống ly thân, ông Đ, bà T không đưa ra giải pháp gì để hòa hợp, chung sống cùng nhau. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc ly hôn bà T.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 04/10/2018, bà T đồng ý với ý kiến ông Đ về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đ về con chung, đảm bảo sự phù hợp hiện trạng thực tế người đang trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng các đương sự, cháu L và không gây xáo trộn, ảnh hưởng lớn cuộc sống các cháu L, H. Buộc bà T giao ông Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L; bà T không cấp dưỡng cháu L. Buộc ông Đ giao bà T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H và công nhận sự tự nguyện ông Đ cấp dưỡng cháu H mức cấp dưỡng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí: Ông Đ nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số No 0003959 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông Đ buộc nộp thêm 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ.

Ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Ánh T ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc bà Lê Thị Ánh T giao ông Nguyễn Minh Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/01/2010. Bà Lê Thị Ánh T không cấp dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ giao bà Lê Thị Ánh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/10/2016. Công nhận sự tự nguyện ông Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H mức cấp dưỡng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Buộc ông Nguyễn Minh Đ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số No 0003959 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông Nguyễn Minh Đ buộc nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND xã Trường An, TPVL:1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân